CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tư vấn đầu tư IDICO

Ngày 30/06/2025	29,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0%**

DT thuần
Q2/25
7.66
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.79| 57.4%
YoY: ▲ 3.56| 86.9%

LN thuần
Q2/25
0.93
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.69| 289%
YoY: ▲ 0.87| 1455%

LN sau thuế
Q2/25
0.62
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.42| 209%
YoY: ▲ 0.57| 1135%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
12.2%
YoY: +/-▲ 7.2%

ROE (TTM)
Q2/25
3.6%
YoY: +/-▲ 2.3%

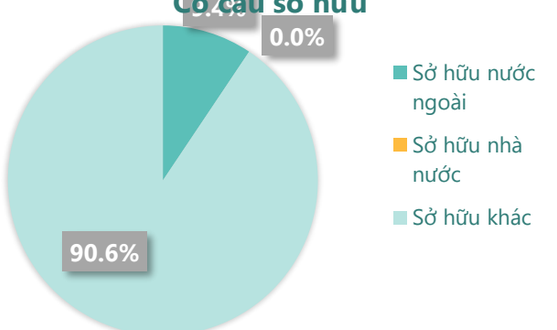
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	22,776 - 39,809
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	58
Số lượng CPLH (CP)	2,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	200
Sở hữu nước ngoài	9.4%
Beta	-
EPS	439
P/E	66.6

DT thuần
6T 2025
12.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.82| 63.2%

LN thuần
6T 2025
1.18
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.90| 323%

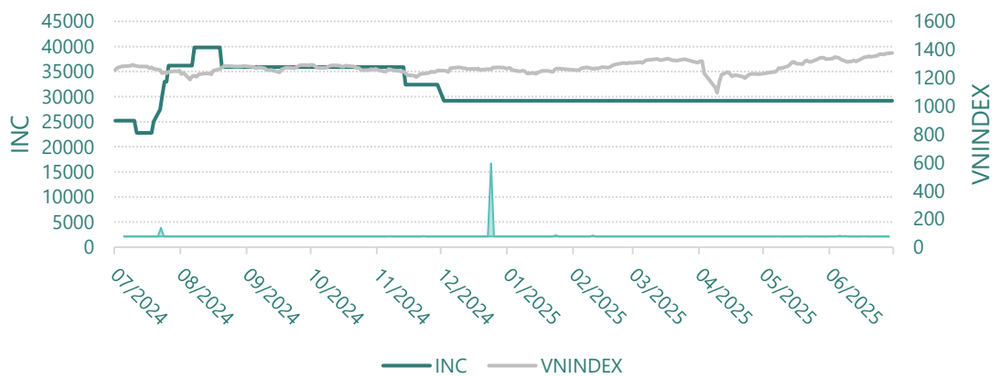
LN sau thuế
6T 2025
0.81
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.59| 265%

Cơ cấu sở hữu

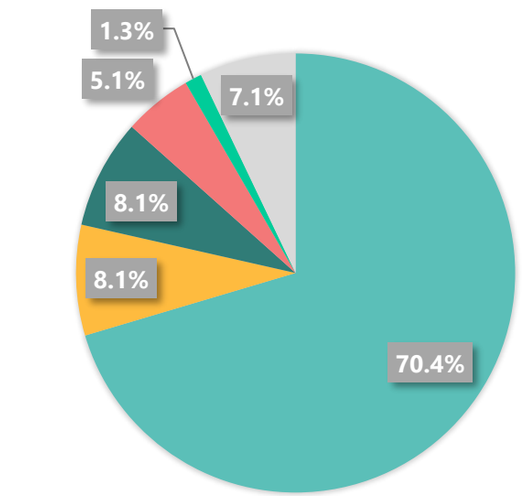


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



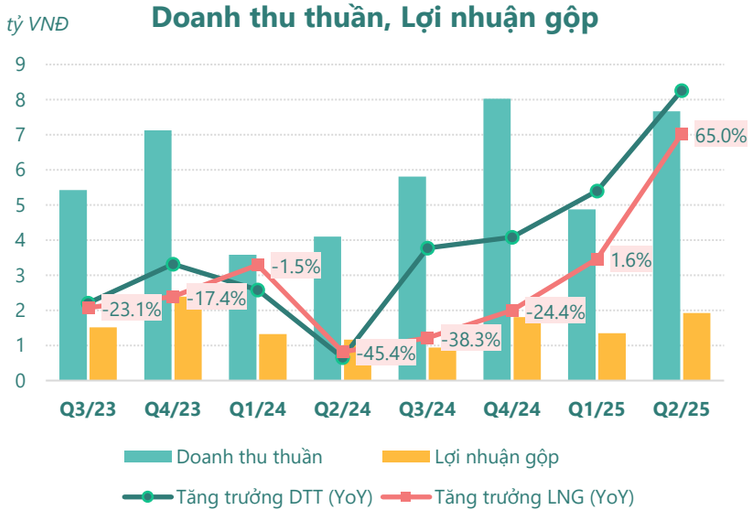
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

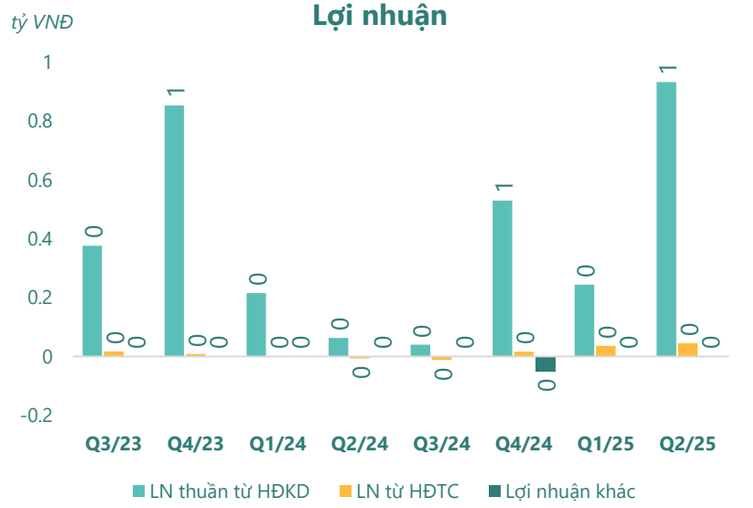
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



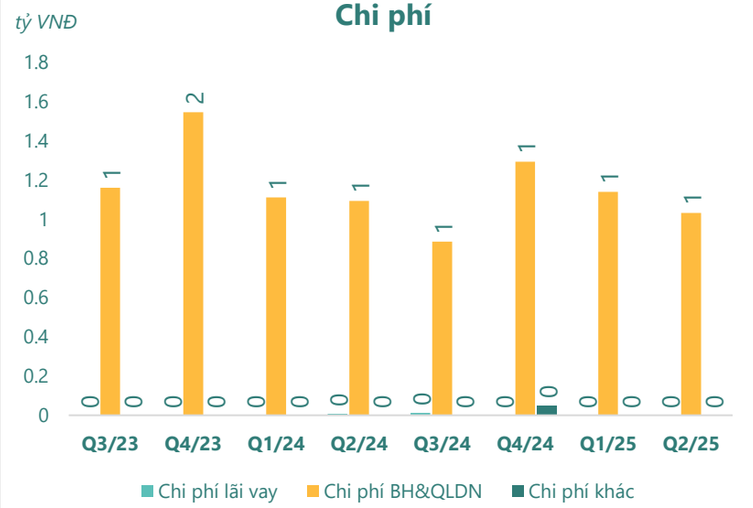
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



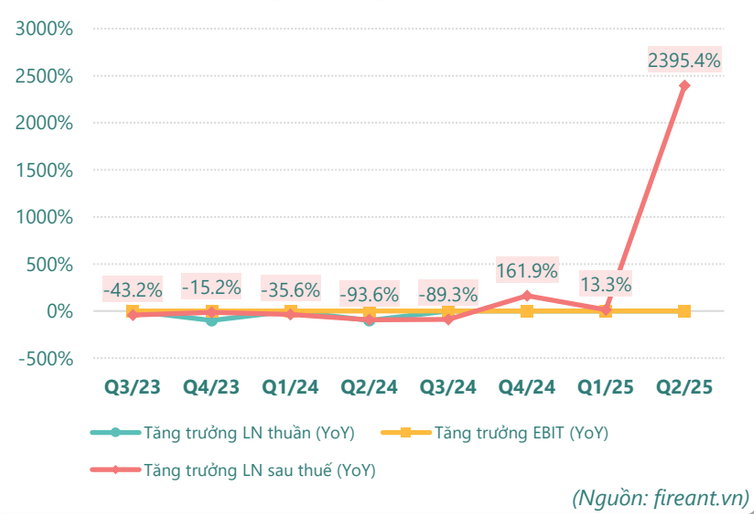
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



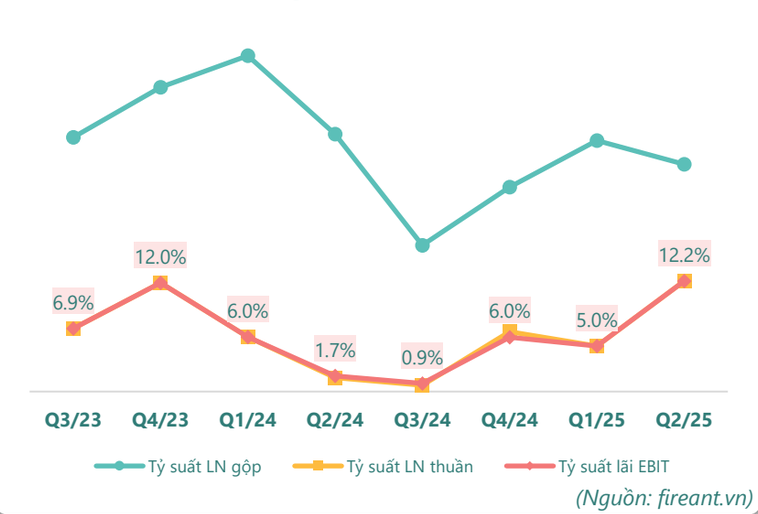
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



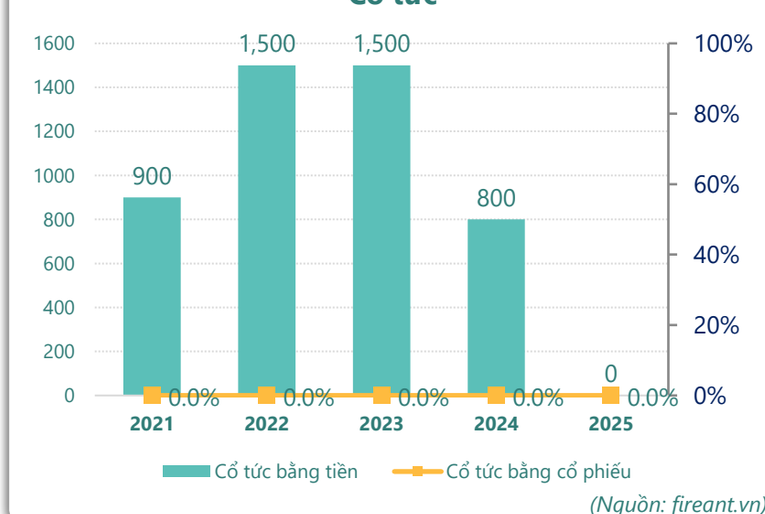
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

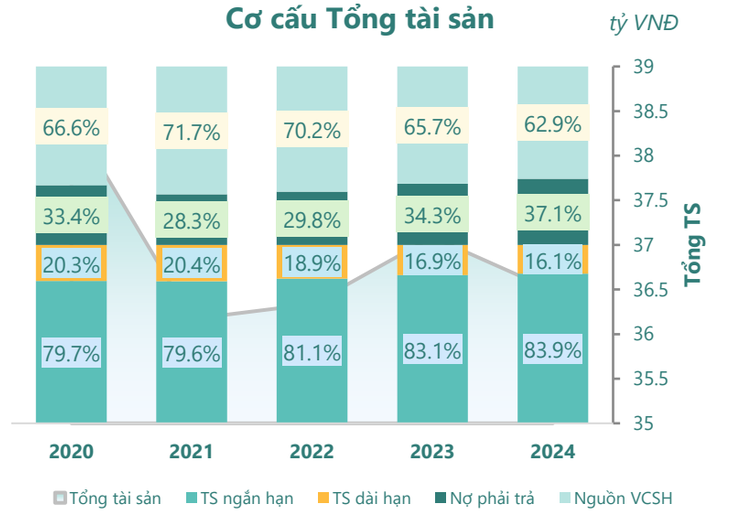
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

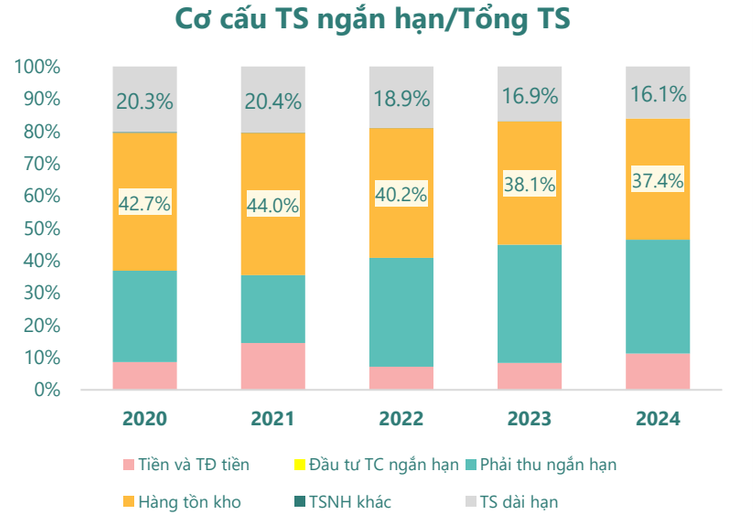
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



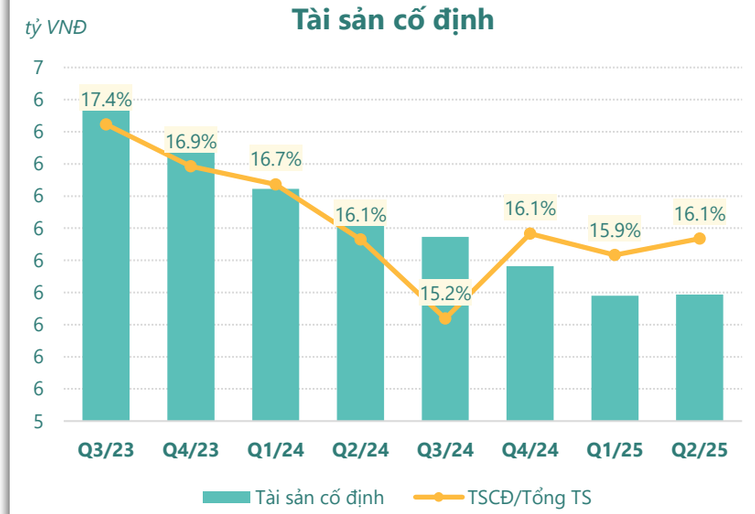
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



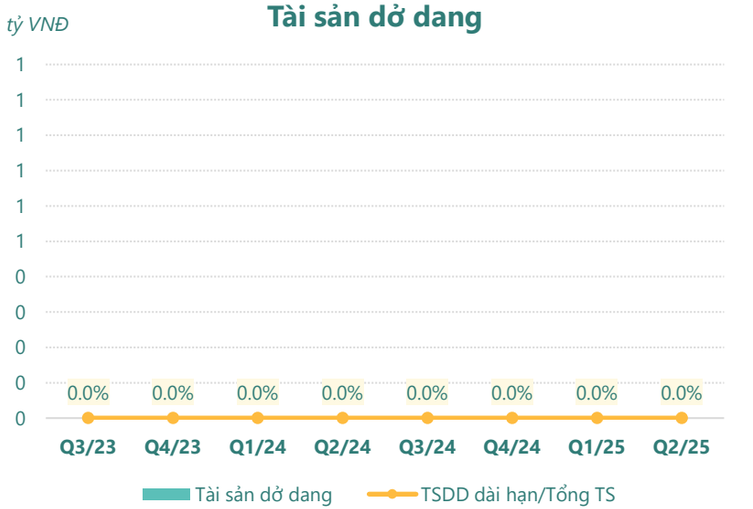
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



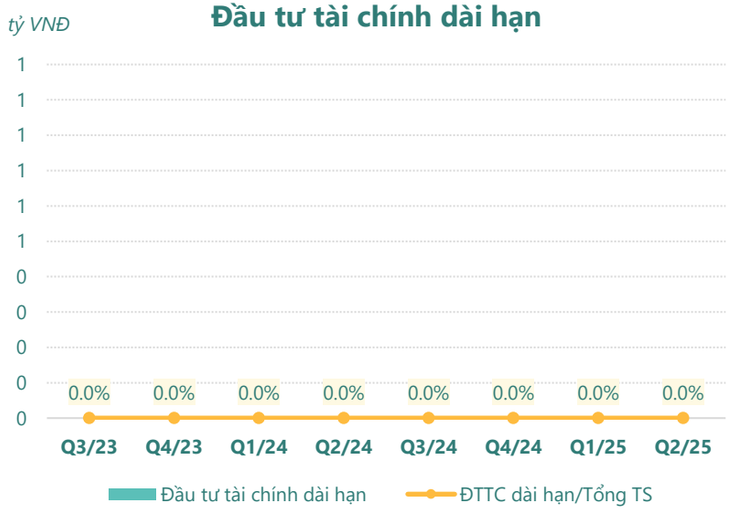
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



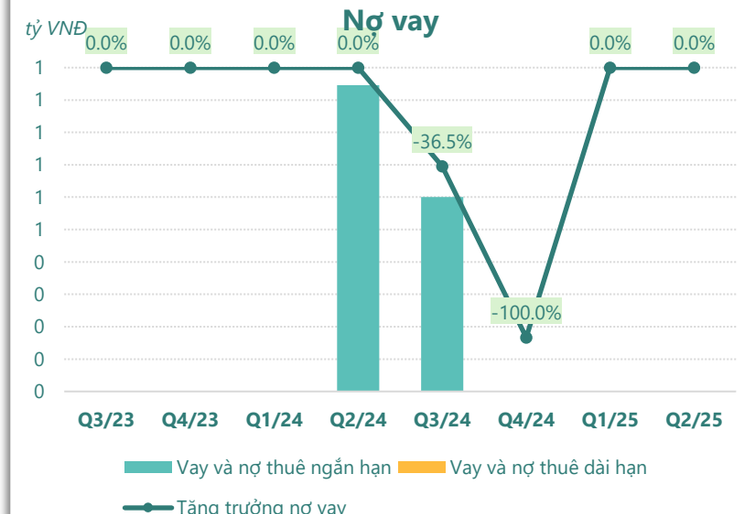
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

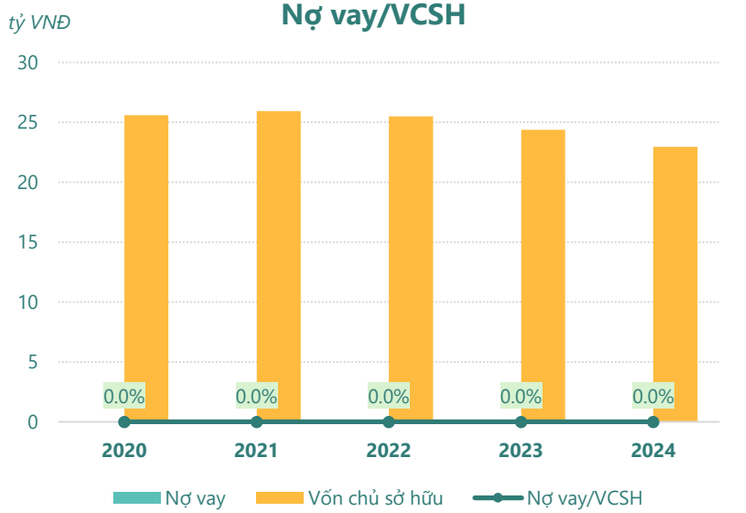
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

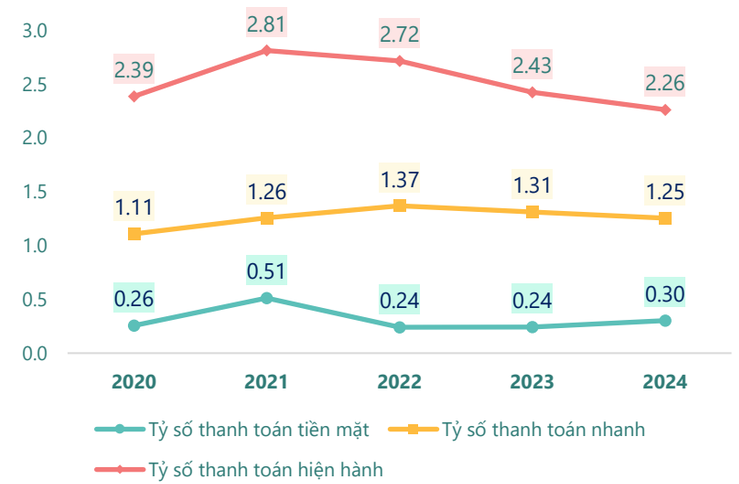
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



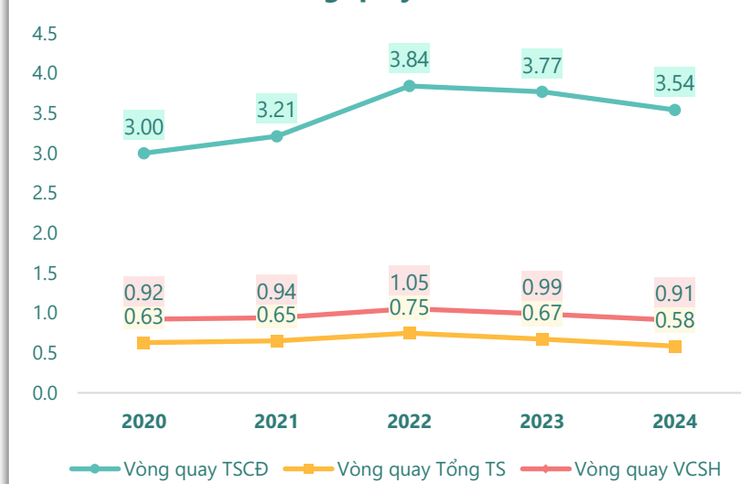
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



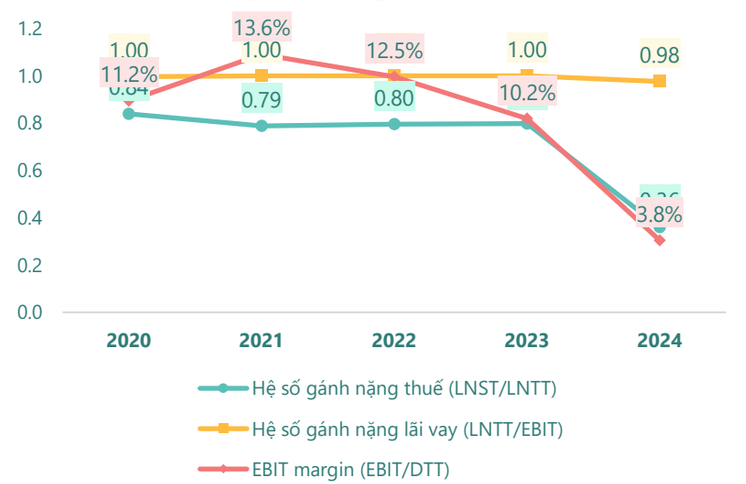
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



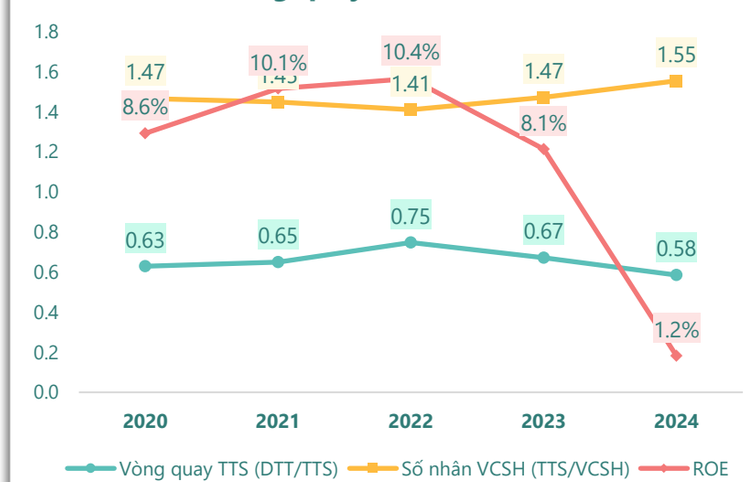
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



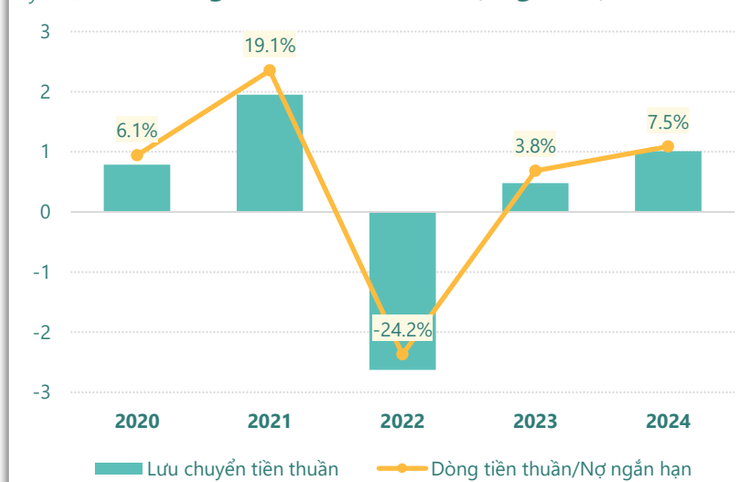
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**7.66**	**4.10**	**86.9%**	**12.5**	**7.68**	**63.2%**
Giá vốn hàng bán	5.74	2.94	95.3%	9.27	5.19	78.5%
Lợi nhuận gộp	1.92	1.16	65.6%	3.27	2.49	31.3%
Doanh thu HĐTC	0.05	0.00		0.08	0.00	6687%
Chi phí TC	0	0.01	-100%	0	0.01	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.01	-100%	0	0.01	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.03**	**1.09**	**-5.2%**	**2.17**	**2.21**	**-1.5%**
LN thuần từ HĐKD	0.93	0.06	1455%	1.18	0.28	323%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
LN trước thuế	0.93	0.06	1455%	1.18	0.28	323%
Lợi nhuận sau thuế	**0.62**	**0.05**	**1135%**	**0.81**	**0.22**	**265%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.62**	**0.05**	**1135%**	**0.81**	**0.22**	**265%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.64	-1.06	2.82	1.80	1.09	3.76
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-0.03	0.00	0.02	0.04	-0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.16	0.95	-0.50	-1.18	-0.01	-1.97
Tiền đầu kỳ	3.09	1.30	1.15	3.47	4.10	5.22
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.79**	**-0.15**	**2.32**	**0.63**	**1.12**	**1.78**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.30	1.15	3.47	4.10	5.22	7.00

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**36.1**	**36.5**	**-1.2%**
Tài sản ngắn hạn	30.2	30.6	-1.4%
Tiền và tương đương tiền	7.00	4.10	70.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	11.0	12.9	-14.1%
Hàng tồn kho	12.1	13.6	-11.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	0	
Tài sản dài hạn	**5.88**	**5.88**	**0.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	5.79	5.88	-1.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.09**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	12.3	13.5	-9.1%
Nợ ngắn hạn	**12.3**	**13.5**	**-9.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	3.47	3.78	-8.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**23.8**	**23.0**	**3.5%**
Vốn chủ sở hữu	**23.8**	**23.0**	**3.5%**
Vốn điều lệ	20.0	20.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)